

THỦY LỢI VIỆT NAM ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, PHỤC VỤ TÁI CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP

(Tài liệu phục vụ Hội thảo “Thủy lợi Việt Nam trước thách thức của biến đổi khí hậu và yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, ngày 26 tháng 8 năm 2016”)

Nguyễn Văn Tĩnh

Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi

MỞ ĐẦU

Việt Nam là Quốc gia chịu ảnh hưởng của chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa, có lượng mưa khá phong phú với bình quân hàng năm đạt gần 2.000 mm, hệ thống sông, suối có mật độ cao. Tuy nhiên, phân bố mưa và dòng chảy trong năm không đều, khoảng 75% lượng mưa và dòng chảy tập trung vào 3-4 tháng mùa mưa, 25% lượng mưa phân bố ở 6-7 tháng mùa khô. Đây là nguyên nhân nước ta chịu ảnh hưởng của nhiều loại hình thiên tai liên quan đến nước, như: lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn...v.v.

Với dân số đông, phần lớn sống dựa vào sản xuất nông nghiệp, nhưng tổng diện tích đất sản xuất không lớn. Để bảo đảm đời sống, việc xây dựng các hệ thống công trình thủy lợi để phòng, chống thiên tai, bảo đảm tưới, tiêu đã được Tổ tiên người Việt xây dựng và phát triển từ buổi đầu dựng nước, tạo ra nền văn minh lúa nước sớm ở khu vực Đông Nam Á. Báo cáo này trình bày những thành tựu đạt được của công tác thủy lợi, những khó khăn, bất cập đang phải đối mặt và định hướng giải pháp trong thời gian tới.

I. THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

1. Về xây dựng các hệ thống công trình

Kế thừa truyền thống dân tộc, từ sau năm 1954, khi miền Bắc được giải phóng, chúng ta đã nhanh chóng khôi phục các hệ thống thủy lợi bị chiến tranh tàn phá, đẩy mạnh xây dựng các công trình thủy lợi từ nhỏ đến lớn, như: các hồ chứa Cẩm Sơn, Núi Cốc,.. với dung tích trữ hàng trăm triệu m³ nước; hệ thống đại thủy nông Bắc Hưng Hải, hệ thống thủy lợi Sông Nhuệ, các hệ thống trạm bơm ở Bắc Hà Nam, Nam Định, Thái Bình,..v.v, với diện tích phục vụ tưới, tiêu đến vài trăm ngàn ha đất. Sau năm 1975, khi hai miền Nam - Bắc thống nhất, với sự tăng cường của lực lượng cán bộ khoa học, kỹ thuật từ miền Bắc, công tác quy hoạch và xây dựng các hệ thống thủy lợi đã được triển khai mạnh mẽ ở miền Nam và Miền Trung, tạo ra bước đột phá về phát triển thủy lợi trong phạm vi cả nước, các công trình điển hình được xây dựng trong thời kỳ này, như: các công trình ở các vùng Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên, Gò Công, Bán đảo Cà Mau; lưu vực sông Nam Thạch Hãn, Hương, Vu Gia-Thu Bồn, Kone; các hồ chứa Sông Rác, Iayun Hạ, Easup Hạ, Dầu Tiếng, sông Quao,..v.v. Tính đến nay, đã có hàng ngàn hệ thống công trình thủy lợi được xây dựng với tổng

số công trình: 6.648 hồ chứa nước, 10.000 trạm bơm điện lớn, 5.500 cống tưới, tiêu lớn, 234.000 km kênh mương, 25.960 km đê các loại.

2. Hệ thống quản lý và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật

Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai từ Trung ương đến địa phương không ngừng được hoàn thiện. Ở Trung ương, đã thành lập Tổng cục Thủy lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai. Ở cấp tỉnh, có các Chi cục Thủy lợi, cấp huyện có Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế ở cấp huyện. Ngoài ra, có các Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở cấp tỉnh, huyện, xã. Về tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cả nước hiện có 3 doanh nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 96 tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi là doanh nghiệp trực thuộc cấp tỉnh, 21.000 tổ chức dùng nước.

Việc xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật được quan tâm thực hiện. Đã ban hành Luật Tài nguyên nước, Luật Đê điều, Luật Phòng, chống thiên tai, Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi và hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện, thi hành được xây dựng và ban hành. Luật Thủy lợi đã được Chính phủ trình Quốc Hội để xem xét, thông qua.

3. Kết quả phục vụ sản xuất và dân sinh

Các hệ thống thủy lợi đã đảm bảo tưới cho 7,5 triệu ha đất trồng lúa, 1,65 triệu ha rau màu, cây công nghiệp, cấp khoảng 6 tỷ m³ nước phục vụ sinh hoạt và công nghiệp và tiêu cho khoảng 1,72 triệu ha đất nông nghiệp, đồng thời góp phần nâng mức bảo đảm phòng, chống lũ, bảo vệ các khu đô thị, khu dân cư và phục vụ sản xuất.

II. CÁC KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC ĐANG GẶP PHẢI

Mặc dù công tác thủy lợi đã đạt được những thành tựu đáng kể trong thời gian qua, song trước yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu tăng trưởng ngành nông nghiệp,..thủy lợi đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, cần được quan tâm khắc phục.

1. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu là tác nhân gây hiện tượng thiếu hụt lượng mưa, mưa trái mùa hoặc mưa tập trung cường độ cao trong thời đoạn ngắn, nắng nóng kéo dài, rét đậm, rét hại, là những nguyên nhân gây nên tình trạng dòng chảy sông suối bị suy giảm, hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt, úng ngập,..., ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và dân sinh.

Diễn hình, một số hình thái thời tiết bất lợi và tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn trong thời gian gần đây có thể kể đến:

- Trong mùa khô các năm 2015, 2016, lượng mưa trung bình ở khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên chỉ đạt 60-70% Trung bình nhiều năm (TBNN), có nơi khoảng 50% (Ninh Thuận, Khánh Hòa);

- Tháng 3/2015 (từ ngày 24/3 đến ngày 30/3), các tỉnh từ Thanh Hóa đến Quảng Ngãi đã xuất hiện đợt mưa trái mùa, lượng mưa phổ biến đạt từ 50-100mm, một số trạm có lượng mưa lớn hơn, từ 300-400mm. Mưa lớn tại Quảng Ninh tháng 7, 8/2016, tổng lượng mưa 1.500 mm trong 10 ngày;

- Xuất hiện băng, tuyết tại một số tỉnh, thành phố phía Bắc vào tháng 1/2016;

- Mùa khô năm 2016, dòng chảy sông Cửu Long xuống thấp nhất trong vòng 90 năm qua, một số sông khu vực Trung Bộ xuất hiện mực nước thấp nhất trong lịch sử quan trắc. Xâm nhập mặn năm 2016 ở Đồng bằng sông Cửu Long xuất hiện sớm hơn so với cùng kỳ TBNN gần 2 tháng, phạm vi xâm nhập mặn 4g/lít vào sâu trong đất liền ở khu vực sông Vàm Cỏ lớn nhất đến 100-120 km, ở các cửa sông khác từ 50-70 km, sâu hơn TBNN từ 15-20km; đây là kỳ xâm nhập mặn lớn nhất trong lịch sử quan trắc ở nước ta;

- Trong 2 năm 2015, 2016, ở khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long, do ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, có khoảng 80.000 ha đất lúa phải dừng sản xuất (chủ yếu ở các tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa và Bình Thuận) và khoảng 500.000 ha cây trồng bị ảnh hưởng đến năng suất.

2. Phát triển thượng nguồn các hệ thống sông liên quốc gia

Việc các nước ở thượng nguồn các hệ thống liên quốc gia liên tục xây dựng các hồ chứa nước thủy điện, công trình lấy nước lớn đã gây nhiều hậu quả cho vùng hạ du, như: suy giảm bùn cát dẫn đến xói lở, suy giảm dòng chảy làm mực nước bị hạ thấp, gia tăng xâm nhập mặn, thiếu nước vào mùa khô, tăng nguy cơ lũ lụt vào mùa mưa...v.v.

3. Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

- Nhiều hệ thống công trình thủy lợi hiện chỉ được thiết kế để phục vụ cho nền sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, không đáp ứng được yêu cầu phục vụ nền nông nghiệp đa dạng và hiện đại. Các hệ thống chủ yếu tập trung cung cấp nước cho cây lúa, phần lớn các cây trồng cạn chưa được tưới hoặc tưới bằng các biện pháp lạc hậu và lãng phí nước, diện tích cây trồng được áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước còn hạn chế; chất lượng nước trong một số hệ thống công trình

không bảo đảm để cung cấp sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn; hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản không đáp ứng được nhu cầu;

- Việc xây dựng một số cơ sở hạ tầng đô thị, công nghiệp, giao thông đã làm cản trở việc thoát lũ, gia tăng lượng nước cần tiêu, gây thêm áp lực cho các hệ thống công trình thủy lợi, làm tăng hiện tượng lũ lụt, úng ngập, nhất là ở các khu vực đô thị, công nghiệp mới, được xây dựng trên các diện tích canh tác nông nghiệp;

- Hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi chậm đổi mới theo cơ chế thị trường. Nhiều doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi hoạt động theo phương thức giao kế hoạch, dẫn đến vừa thiếu công cụ giám sát cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, vừa hạn chế quyền hoạt động tự chủ của doanh nghiệp. Do vậy, chất lượng quản trị của doanh nghiệp yếu kém, bộ máy cồng kềnh, năng suất lao động thấp và số lượng cán bộ, công nhân có xu thế ngày càng tăng; hệ thống công trình thủy lợi bị xuống cấp nhanh; chất lượng cung cấp dịch vụ thấp. Hoạt động của tổ chức thủy nông cơ sở còn mang nặng tính áp đặt, thiếu sự tham gia chủ động, tích cực của người dân và sự tham gia của chính quyền địa phương, dẫn đến nhiều tổ chức thiếu bền vững;

- Khoa học công nghệ trong lĩnh vực thủy lợi chưa bám sát yêu cầu sản xuất, việc áp dụng có hiệu quả vào thực tế còn hạn chế, chậm áp dụng công nghệ tiên tiến trong dự báo, giám sát hạn hán, úng ngập, xâm nhập mặn,..., để hỗ trợ ra quyết định trong công tác phòng, chống; nguồn lực phân tán, dàn trải, năng lực công nghệ không được nâng cao, không được đơn vị sản xuất chấp nhận, hiệu quả hợp tác quốc tế trong việc ứng dụng, học tập kinh nghiệm quốc tế về quản lý khai thác công trình thủy lợi còn thấp;

- Nhận thức của một số lãnh đạo quản lý và người dân chưa đúng, chưa đủ về các chính sách hiện hành trong quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đặc biệt là chính sách miễn, giảm thủy lợi phí. Phần lớn hiểu chính sách miễn, giảm thủy lợi phí là bỏ thủy lợi phí, trong khi đó đây là hỗ trợ của Nhà nước nhằm giảm gánh nặng chi phí sản xuất nông nghiệp cho người dân và có nguồn kinh phí để tu sửa, chống xuống cấp công trình. Do vậy, đã không phát huy được sự tham gia của người dân trong quản lý khai thác công trình thủy lợi, đặc biệt là công trình thủy lợi nội đồng. Ở một số địa phương, người dân không nộp thủy lợi phí nội đồng, coi công tác thủy lợi là trách nhiệm của Nhà nước. Tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước vẫn còn nặng nề, đặt nặng vấn đề đầu tư xây dựng công trình, xem nhẹ quản lý, chưa khơi dậy và huy động được sức mạnh toàn dân, toàn xã hội tham gia vào xây dựng, quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

III. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống công trình thủy lợi

Đây là nhiệm vụ trọng tâm của công tác thủy lợi hiện nay, là nội dung chính trong dự thảo Luật Thủy lợi đã được Chính phủ trình Quốc hội, với một số đổi mới như sau:

a) *Đẩy mạnh xã hội hóa công tác thủy lợi*

- Thực hiện phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, sử dụng hiệu quả nguồn lực của nhà nước, đồng thời huy động nguồn lực của tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động dịch vụ thủy lợi. Với chủ trương xã hội hóa, khu vực tư nhân, các thành phần kinh tế khác và cộng đồng tham gia đầu tư xây dựng, quản lý khai thác, chất lượng công trình sẽ được nâng cao, chống xuống cấp, bền vững và sử dụng nước tiết kiệm.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư, tham gia đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác công trình thủy lợi, đặc biệt là công trình có quy mô nhỏ, tăng cường hình thức PPP trong đầu tư xây dựng, quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Huy động nguồn lực của toàn xã hội tham gia công tác thủy lợi, góp phần phát huy tối đa hiệu quả và kéo dài tuổi thọ của công trình, nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm, sử dụng nước hiệu quả.

b) *Chuyển từ cơ chế “thủy lợi phí” sang “giá dịch vụ thủy lợi”*

- Hiện nay, Luật Phí và Lệ phí không quy định danh mục *thủy lợi phí*, nên việc thay đổi từ “*phí*” sang “*giá*” là phù hợp, nhằm đồng bộ, thống nhất với các Luật đã ban hành.

- Việc thực hiện cơ chế giá sẽ làm thay đổi nhận thức của nhiều người về công tác thủy lợi là *phục vụ* sang đúng bản chất là tính *dịch vụ*. Giúp người sử dụng dịch vụ (đặc biệt *nước* từ công trình thủy lợi) hiểu rõ bản chất hàng hóa của nước, nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm; coi dịch vụ thủy lợi là một dịch vụ đầu vào cho sản xuất.

- Với cơ chế giá sẽ đưa công tác thủy lợi tiếp cận với cơ chế thị trường, tạo động lực cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào hoạt động thủy lợi; gắn trách nhiệm của bên cung cấp và bên sử dụng dịch vụ thủy lợi.

- Tuy nhiên, khi thực hiện cơ chế giá, Nhà nước sẽ có chính sách trợ giá cho các đối tượng sử dụng dịch vụ thủy lợi với mục tiêu công ích và các đối tượng khó khăn.

c) Phân rõ vai trò chủ quản lý và đơn vị khai thác công trình thủy lợi.

- Hiện nay, hầu hết các Công ty Khai thác công trình thủy lợi được giao chức năng là chủ quản lý, khai thác công trình thủy lợi, tuy nhiên, thực tế hoạt động có bất cập (vai trò cơ quan QLNN mờ nhạt, công ty không có thẩm quyền xử phạt...).

- Chủ quản lý công trình thủy lợi sẽ có chức năng quản lý toàn diện trong việc bảo đảm an toàn, phát huy hiệu quả khai thác công trình thủy lợi.

- Tách biệt giữa chủ quản lý công trình thủy lợi với đơn vị được giao vận hành, khai thác dịch vụ từ công trình thủy lợi.

- Chủ quản lý công trình thủy lợi sẽ thực thi chức năng, nhiệm vụ trong công tác bảo vệ công trình thủy lợi, như việc kiểm tra, xử phạt các hành vi vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

d) Đổi mới phương thức hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi

- Thay đổi phương thức hoạt động trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi, giảm tối đa hình thức giao kế hoạch, chuyển mạnh sang phương thức đặt hàng, đấu thầu trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

- Chuyển mạnh đối tượng phục vụ của công tác thủy lợi sang các mục đích dịch vụ có giá trị cao, như: cấp nước cho công nghiệp, sinh hoạt, các hoạt động kinh tế khác.

- Đẩy mạnh các hoạt động khai thác tổng hợp, nhằm tạo nguồn thu bền vững cho các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

2. Tưới cho cây trồng cạn

- Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp đồng bộ, trên diện rộng thúc đẩy áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giảm thiểu rủi ro cho các loại cây trồng chủ lực đang có thị trường ổn định như cây cà phê, hồ tiêu, điều, mía, chè, cây ăn quả và các loại cây trồng cạn khác.

- Thực hiện các mô hình áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây công nghiệp có ưu thế xuất khẩu như cà phê, hồ tiêu, điều, chè, cao su...

- Ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ trong thủy lợi, lồng ghép kỹ thuật tưới tiên tiến, tiết kiệm nước với kỹ thuật canh tác cây trồng, nuôi trồng thủy sản để nâng cao năng suất, giảm chi phí sản xuất.

- Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để khuyến khích, thúc đẩy, tạo động lực ứng dụng rộng rãi khoa học công nghệ để thực hiện tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Theo mục tiêu đã được Đề án Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt, đến năm 2020, có 500.000ha cây trồng cạn được tưới bằng các biện pháp tiên tiến, tiết kiệm nước. Tập trung chủ yếu ở vùng Tây Nguyên, Đông Nam bộ, Nam Trung bộ. Đến nay, tổng diện tích đã được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: 143.800ha.

3. Thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản

Với mục tiêu hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu nuôi công nghiệp trong lĩnh vực thủy sản. Để thực hiện mục tiêu này, định hướng trong công tác thủy lợi ở một số vùng trọng điểm phát triển thủy sản như sau:

- Đối với khu vực ven biển Trung bộ: Tiếp tục xây dựng các hồ chứa theo quy hoạch, kết nối các hồ chứa để tạo nguồn nước, xây dựng các hệ thống dẫn nước để cung cấp nước cho các khu công nghiệp, cho dịch vụ, cung cấp nước cho nông nghiệp, kết hợp thủy sản ở khu vực ven biển gắn với tổ chức lại sản xuất, nuôi trồng thủy sản tiết kiệm nước và xử lý nước sau nuôi; đảm bảo nguồn nước (mặn và ngọt) sạch, chủ động để nuôi thủy sản theo quy trình công nghệ tiên tiến, năng suất cao và an toàn.

- Đối với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: Áp dụng các giải pháp thủy lợi phục vụ cho nuôi thủy sản bền vững. Đầu tư hạ tầng để lấy nước chủ động (mặn, ngọt), kết hợp với phương pháp nuôi tiết kiệm nước và có xử lý nước đảm bảo môi trường nước cho các khu vực nuôi thủy sản tập trung, nuôi công nghiệp (trọng tâm là các da trơn và thủy sản nước lợ).

- Thực hiện rà soát quy hoạch thủy lợi phục vụ thủy sản; đề xuất, rà soát, điều chỉnh các dự án đầu tư thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản; đồng thời tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp cấp thoát nước nước phục vụ nuôi trồng thủy sản bền vững.

4. Về quản lý an toàn đập

Với mục tiêu bảo đảm an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất, dân sinh, nhiệm vụ đến năm 2022 sửa chữa, nâng cấp được khoảng 1.150 hồ; đồng thời nâng cao năng lực dự báo (mưa, lũ), để vận hành hồ chứa theo thời gian thực. Trong thời gian tới, tập trung một số nội dung:

- Hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách trong lĩnh vực an toàn đập, tập trung sửa đổi, bổ sung Nghị định 72/2012/NĐ-CP cho phù hợp với thực tế. Hoàn thiện các hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật hướng dẫn công tác quản lý an toàn đập, như: Tiêu chuẩn đánh giá an toàn đập, Tiêu chuẩn hướng dẫn xây dựng bản đồ ngập lụt cho vùng hạ du trong tình huống xả lũ

khẩn cấp và vỡ đập, Tiêu chuẩn lập kế hoạch sẵn sàng ứng phó trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập; Định mức kiểm định an toàn đập; Định mức xây dựng bản đồ ngập lụt bản đồ ngập lụt.

- Đẩy mạnh áp dụng khoa học, công nghệ, hợp tác quốc tế trong quản lý an toàn đập, như công nghệ quan trắc, giám sát đập; công nghệ dự báo, cảnh báo phục vụ vận hành theo thời gian thực.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình, các dự án về an toàn đập: Bộ đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo đảm an toàn hồ chứa, tham mưu Bộ. Chương trình với tổng kinh phí dự kiến là 21.130 tỷ đồng, dự kiến sửa chữa, nâng cấp các hồ đập xung yếu, thực hiện từ năm 2015÷2022. Giai đoạn đầu thực hiện 450 hồ đập trên địa bàn 33 tỉnh bằng nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới (dự án WB8) với tổng mức đầu tư của dự án là 443 triệu USD, đảm bảo an toàn công trình và an toàn hạ du.

5. Phòng chống thiên tai

- Quan điểm trong công tác phòng, chống thiên tai là: Lấy người dân làm đối tượng và có kế hoạch ứng phó cụ thể cho từng vùng.

- Hoàn thiện thể chế, tổ chức bộ máy về phòng chống thiên tai các cấp; tập trung chỉ đạo các địa phương, cơ quan triển khai thực hiện các nội dung của Luật Phòng, chống thiên tai.

- Rà soát Chiến lược phòng, chống thiên tai cấp quốc gia; chỉ đạo các địa phương xây dựng, hoàn thiện kế hoạch phòng, chống thiên tai ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai.

- Xây dựng phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão; xây dựng bản đồ ngập lụt do nước biển dâng trong tình huống bão mạnh và siêu bão.

V. KẾT LUẬN

Để đáp ứng yêu cầu phục vụ nền sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại trong thời kỳ đổi mới, hội nhập, thích ứng với biến đổi khí hậu, các nhiệm vụ tái cơ cấu ngành thủy lợi cần phải được xây dựng lộ trình thực hiện phù hợp, cả trước mắt và lâu dài. Tổng cục Thủy lợi tin tưởng với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sự tham gia của người dân, sự nghiệp tái cơ cấu ngành thủy lợi chắc chắn sẽ đạt được thành công./.